

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	14 - 39
8. Phụ lục	40 - 42

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần S.P.M hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302271207, đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 3 năm 2001 và đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 15 tháng 6 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 140.000.000.000 VND

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh vào ngày 07 tháng 5 năm 2010 với mã chứng khoán là SPM.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84-8) 37 507 496
Fax : (84-8) 38 771 010
Mã số thuế : 03 0 2 2 7 1 2 0 7

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Văn phòng đại diện	C4 – C8 Bửu Long, phường 15, quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Sản xuất mỹ phẩm;
- Mua bán mỹ phẩm, dược phẩm;
- Mua bán thực phẩm, bán buôn thực phẩm chức năng;
- Sản xuất dược phẩm;
- Dịch vụ cho thuê mặt bằng, văn phòng, dịch vụ cho thuê kho, kinh doanh nhà;
- Sản xuất thực phẩm;
- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sản xuất thực phẩm chức năng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn sắt, thép.



CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Doanh thu tài chính năm nay giảm 27 tỷ VND # 64% so với năm trước chủ yếu là do Công ty thu hồi các khoản cho vay ngắn hạn để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động.

Trong năm, Công ty đã thanh lý Dự án đầu tư vào Công ty cổ phần đầu tư Hải Hà Land và Dự án đầu tư vào Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Nam Bắc với giá bán bằng giá trị đầu tư ban đầu lần lượt là 20.111.030.000 VND và 3.705.000.000 VND nên không phát sinh lãi đầu tư. Riêng thanh lý khoản đầu tư vào Công ty cổ phần kỹ thuật Hữu Nghị lỗ 12.250.000.000 VND.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 42).

Trong năm, Công ty đã thông báo chia cổ tức cho cả năm 2011 và năm 2012 là 10% vốn điều lệ tương đương 14.000.000.000 VND theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2013 ngày 29 tháng 11 năm 2013.

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đào Hữu Hoàng	Chủ tịch	01 tháng 3 năm 2007	-
Bà Đỗ Thị Mai	Thành viên	01 tháng 3 năm 2007	-
Ông Đào Hữu Khôi	Thành viên	01 tháng 3 năm 2007	-
Ông Nguyễn Thế Kỳ	Thành viên	06 tháng 6 năm 2007	-
Ông Huỳnh Phú Hải	Thành viên	06 tháng 6 năm 2007	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Lê Thị Anh Đào	Trưởng ban	31 tháng 7 năm 2009	29 tháng 11 năm 2013
Ông Ngô Quốc Dũng	Trưởng ban	29 tháng 11 năm 2013	-
Ông Bùi Thế Dũng	Thành viên	10 tháng 7 năm 2008	-
Bà Ôn Ngọc Lan	Thành viên	10 tháng 12 năm 2002	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thế Kỳ	Tổng Giám đốc	10 tháng 12 năm 2002	-
Ông Huỳnh Phú Hải	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 10 năm 2007	-
Ông Văn Tất Chiến	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 6 năm 2007	-

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

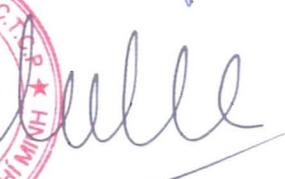
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thế Kỳ
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2014



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 2 Trương Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Võ St., Dong Đa Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang: 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Trần Ngọc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0330/2014/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần S.P.M, được lập ngày 18 tháng 01 năm 2014, từ trang 07 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần S.P.M tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

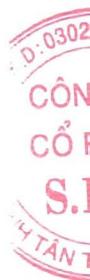
Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0100-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2014

Đỗ Thị Mai Loan - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0090-2013-008-1



CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		659.654.924.182	599.152.485.252
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	6.125.237.523	10.955.373.953
1. Tiền	111		6.125.237.523	10.955.373.953
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		93.265.648.574	126.415.785.674
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	93.265.648.574	126.415.785.674
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		519.224.723.610	418.185.352.951
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	444.120.716.950	367.121.907.765
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	8.762.913.787	8.439.718.881
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	68.026.315.908	43.018.276.211
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(1.685.223.035)	(394.549.906)
IV. Hàng tồn kho	140		38.156.062.144	41.855.003.099
1. Hàng tồn kho	141	V.7	39.141.863.226	42.868.125.788
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(985.801.082)	(1.013.122.689)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.883.252.331	1.740.969.575
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	362.134.160	679.969.399
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.955.828.927	802.496.791
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.20	190.068.674	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	375.220.570	258.503.385

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		458.134.852.589	516.520.633.761
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		384.416.561.484	398.527.807.990
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	94.778.904.969	108.067.856.362
<i>Nguyên giá</i>	222		194.117.937.127	194.319.852.612
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(99.339.032.158)	(86.251.996.250)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	5.378.479.289	6.200.774.402
<i>Nguyên giá</i>	228		7.329.976.178	8.240.916.178
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.951.496.889)	(2.040.141.776)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	284.259.177.226	284.259.177.226
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		71.296.296.825	117.854.506.260
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.14	26.971.296.825	50.163.476.260
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.15	44.325.000.000	67.691.030.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.421.994.280	138.319.511
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.16	2.421.994.280	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	138.319.511
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.117.789.776.771	1.115.673.119.013

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		459.095.292.237	460.482.920.157
I. Nợ ngắn hạn	310		236.154.197.672	237.580.086.907
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.17	157.254.283.109	149.911.196.269
2. Phải trả người bán	312	V.18	26.911.373.520	39.199.395.288
3. Người mua trả tiền trước	313	V.19	518.730.208	976.942.400
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.20	4.879.475.449	12.374.186.185
5. Phải trả người lao động	315	V.21	2.145.496.996	1.914.247.796
6. Chi phí phải trả	316	V.22	572.618.274	682.384.140
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.23	43.872.220.116	32.521.734.829
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		222.941.094.565	222.902.833.250
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.24	222.902.833.250	222.902.833.250
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		38.261.315	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		658.694.484.534	655.190.198.856
I. Vốn chủ sở hữu	410		658.694.484.534	655.190.198.856
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.25	140.000.000.000	140.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.25	210.885.368.500	210.885.368.500
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.25	(10.036.370.000)	(10.036.370.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.25	317.845.486.034	314.341.200.356
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.117.789.776.771	1.115.673.119.013

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		122.500.000	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)		1.016,89	1.092,00
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

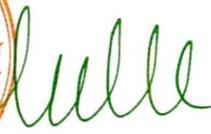
TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2014



Nguyễn Quốc Thịnh
Người lập biểu



Bùi Công Sơn
Kế toán trưởng



Nguyễn Thế Kỳ
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2013

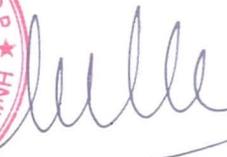
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	521.298.163.096	460.710.244.537
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	80.167.367.593	30.703.401.908
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	441.130.795.503	430.006.842.629
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	356.884.853.180	335.200.151.376
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		84.245.942.323	94.806.691.253
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	14.997.162.872	42.156.787.462
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	30.196.202.544	23.386.774.634
Trong đó: chi phí lãi vay	23		16.786.729.966	22.343.499.999
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	37.198.683.089	34.254.740.248
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	11.479.358.025	10.195.246.016
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		20.368.861.537	69.126.717.817
11. Thu nhập khác	31		110.633.338	243.997.095
12. Chi phí khác	32		253.671.526	82.838.908
13. Lợi nhuận khác	40		(143.038.188)	161.158.187
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		20.225.823.349	69.287.876.004
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.20	2.544.956.845	4.643.810.724
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		176.580.826	(94.489.326)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>17.504.285.678</u>	<u>64.738.554.606</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	<u>1.271</u>	<u>4.701</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2014


 Nguyễn Quốc Thịnh
 Người lập biểu


 Bùi Công Sơn
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Thế Kỳ
 Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		20.225.823.349	69.287.876.004
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.11, 12	13.944.402.127	15.588.843.369
- Các khoản dự phòng	03	V.6, 8	1.263.351.522	23.000.398
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	222.586.823	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, 4	(2.685.519.160)	(42.057.684.865)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	16.786.729.966	22.343.499.999
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		49.757.374.627	65.185.534.905
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(68.512.957.532)	(167.367.485.935)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		3.726.262.562	2.372.544.440
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(3.054.368.606)	2.989.257.318
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		713.084.077	66.018.589
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.22; VI.4	(16.946.614.275)	(22.183.653.503)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.20	(8.593.838.327)	(1.500.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(42.911.057.474)	(120.437.784.186)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.11, 12	(3.111.572.990)	(2.286.793.528)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(12.106.357.600)	(22.411.414.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		45.256.494.700	54.393.851.475
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(507.820.565)	(805.777.600)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	65.030.695.845
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5; VI.3	1.216.299.780	27.205.286.197
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		30.747.043.325	121.125.848.389

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.17	379.922.617.112	392.287.570.716
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.17	(372.579.530.272)	(390.787.337.803)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		7.343.086.840	1.500.232.913
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(4.820.927.309)	2.188.297.116
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	10.955.373.953	8.767.076.837
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(9.209.121)	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	6.125.237.523	10.955.373.953



Nguyễn Quốc Thịnh
Người lập biểu



Bùi Công Sơn
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2014



Nguyễn Thế Kỳ
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2013



I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, thương mại, dịch vụ và kinh doanh bất động sản.
- Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất và mua bán dược phẩm; Kinh doanh vật liệu xây dựng.
- Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 Công ty có 234 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 255 nhân viên).
- Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Doanh thu tài chính năm nay giảm 27 tỷ VND # 64% so với năm trước chủ yếu là do Công ty thu hồi các khoản cho vay ngắn hạn để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động.

Trong năm, Công ty đã thanh lý Dự án đầu tư vào Công ty cổ phần đầu tư Hải Hà Land và Dự án đầu tư vào Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Nam Bắc với giá bán bằng giá trị đầu tư ban đầu lần lượt là 20.111.030.000 VND và 3.705.000.000 VND nên không phát sinh lãi đầu tư. Riêng thanh lý khoản đầu tư vào Công ty cổ phần kỹ thuật Hữu Nghị lỗ 12.250.000.000 VND.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).



III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 10

6. Tài sản thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 46 năm.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 năm.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư tài chính dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Bản quyền công nghệ

Bản quyền công nghệ đã được đưa vào sử dụng và được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên cho thời gian làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng 1/2 tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

14. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

17. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2012 : 20.813 VND/USD
31/12/2013 : 21.087 VND/USD

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.6.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

19. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

20. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

21. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.



CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	65.297.370	2.747.683.847
Tiền gửi ngân hàng	5.259.940.153	8.207.690.106
Tiền đang chuyển	800.000.000	-
Cộng	6.125.237.523	10.955.373.953

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cho Công ty TNHH dược phẩm Đô Thành vay với lãi suất từ 1%/tháng đến 1,67%/tháng	5.766.479.525	35.628.479.525
Cho Ông Đào Hữu Hoàng vay với lãi suất từ 1,5%/tháng đến 1,75%/tháng	50.499.169.049	40.787.306.149
Cho Công ty cổ phần Tập đoàn ASV vay với lãi suất từ 1%/tháng đến 2%/tháng	37.000.000.000	50.000.000.000
Cộng	93.265.648.574	126.415.785.674

3. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH dược phẩm Đô Thành	420.587.657.188	348.654.951.751
Công ty cổ phần kỹ thuật Hữu Nghị	13.533.047.486	13.533.047.486
Các khách hàng khác	10.000.012.276	4.933.908.528
Cộng	444.120.716.950	367.121.907.765

Các khoản phải thu đã được dùng để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) và Ngân hàng Malayan Banking Berhad – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.17).



CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các nhà cung cấp trong nước	8.538.075.669	7.149.935.881
Các nhà cung cấp nước ngoài	224.838.118	1.289.783.000
Cộng	<u>8.762.913.787</u>	<u>8.439.718.881</u>

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lãi dự thu	52.822.920.877	39.103.701.497
Phải thu hàng giao gia công	622.722.463	577.926.836
Phải thu tiền chuyển nhượng các khoản đầu tư góp vốn.	14.205.000.000	-
Công ty bảo hiểm Bảo Việt Sài Gòn - tiền thu bảo hiểm cháy nổ	-	2.486.013.266
Các khoản phải thu khác	375.672.568	850.634.612
Cộng	<u>68.026.315.908</u>	<u>43.018.276.211</u>

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán.

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(394.549.906)	(523.397.250)
(Trích lập)/hoàn nhập dự phòng	(1.290.673.129)	128.847.344
Số cuối năm	<u>(1.685.223.035)</u>	<u>(394.549.906)</u>

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi trên đường	6.012.037.652	5.510.697.585
Nguyên liệu, vật liệu	25.542.524.811	29.341.393.860
Công cụ, dụng cụ	183.114.864	120.704.541
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	6.661.062.059	3.188.773.253
Thành phẩm	743.123.840	4.706.556.549
Cộng	<u>39.141.863.226</u>	<u>42.868.125.788</u>

Hàng hóa tồn kho được định giá 37.049.017.216 VND được dùng để đảm bảo cho khoản vay Ngân hàng Malayan Banking Berhad – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.17).

8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá thành phẩm tồn kho.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(1.013.122.689)	(861.274.947)
(Trích lập)/hoàn nhập dự phòng	27.321.607	(151.847.742)
Số cuối năm	<u>(985.801.082)</u>	<u>(1.013.122.689)</u>

0227120
 NG TY
 PHÂN
 P.M
 TP. HỒ C

987
 G T
 M H
 V A T
 & C
 H C

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	195.681.037	349.012.278
Chi phí sửa chữa	-	95.550.081
Chi phí bảo hiểm	-	48.740.372
Chi phí khác	166.453.123	186.666.668
Cộng	<u>362.134.160</u>	<u>679.969.399</u>

10. Tài sản ngắn hạn khác

Tạm ứng cho nhân viên.

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	70.550.740.312	121.759.379.469	970.040.491	1.039.692.340	194.319.852.612
Mua sắm mới	-	1.011.572.990	-	-	1.011.572.990
Chuyển sang chi phí trả trước	(107.862.553)	(450.122.028)	-	-	(557.984.581)
Điều chỉnh giảm do ghi nhận nhầm tài sản Bảo Việt mua để đền bù thiệt hại năm 2012	(319.208.194)	(336.295.700)	-	-	(655.503.894)
Số cuối năm	<u>70.123.669.565</u>	<u>121.984.534.731</u>	<u>970.040.491</u>	<u>1.039.692.340</u>	<u>194.117.937.127</u>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.422.496.468	19.138.851.607	225.622.122	1.039.692.340	22.826.662.537
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	16.049.088.440	68.739.925.865	423.289.605	1.039.692.340	86.251.996.250
Khấu hao trong năm	2.893.182.679	10.634.847.914	74.442.080	-	13.602.472.673
Chuyển sang chi phí trả trước	(53.577.711)	(267.529.411)	-	-	(321.107.122)
Điều chỉnh giảm do ghi nhận nhầm tài sản Bảo Việt mua để đền bù thiệt hại năm 2012	(79.428.619)	(114.901.024)	-	-	(194.329.643)
Số cuối năm	<u>18.809.264.789</u>	<u>78.992.343.344</u>	<u>497.731.685</u>	<u>1.039.692.340</u>	<u>99.339.032.158</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	54.501.651.872	53.019.453.604	546.750.886	-	108.067.856.362
Số cuối năm	<u>51.314.404.776</u>	<u>42.992.191.387</u>	<u>472.308.806</u>	<u>-</u>	<u>94.778.904.969</u>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 124.985.462.955 VND và 49.297.075.597 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (xem thuyết minh số V.17).

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Bản quyền, bằng sáng chế</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá				
Số đầu năm	7.281.897.278	885.440.000	73.578.900	8.240.916.178
Mua sắm mới	-	2.100.000.000	-	2.100.000.000
Chuyển sang chi phí trả trước	-	(2.985.440.000)	(25.500.000)	(3.010.940.000)
Số cuối năm	7.281.897.278	-	48.078.900	7.329.976.178
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	48.078.900	48.078.900
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	1.745.115.873	228.738.677	66.287.226	2.040.141.776
Khấu hao trong năm	158.302.116	179.377.340	4.249.998	341.929.454
Chuyển sang chi phí trả trước	-	(408.116.017)	(22.458.324)	(430.574.341)
Số cuối năm	1.903.417.989	-	48.078.900	1.951.496.889
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	5.536.781.405	656.701.323	7.291.674	6.200.774.402
Số cuối năm	5.378.479.289	-	-	5.378.479.289
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

Quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (xem thuyết minh số V.17).

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Mua sắm tài sản cố định	442.750.000	-	442.750.000
XDCB dở dang	283.816.427.226	-	283.816.427.226
- Dự án khu nhà ở Long Trường ⁽ⁱ⁾	280.807.353.530	-	280.807.353.530
- Bệnh viện sản phụ khoa Phú Thọ	60.000.000	-	60.000.000
- Xưởng sản xuất thuốc đông dược	2.949.073.696	-	2.949.073.696
Cộng	284.259.177.226	-	284.259.177.226

⁽ⁱ⁾ Theo thỏa thuận hợp tác đầu tư ngày 07 tháng 12 năm 2007, Công ty cổ phần S.P.M, Bà Đỗ Thị Hằng và Bà Chu Thị Thu Phương cam kết cùng hợp tác để đầu tư xây dựng khu nhà ở kinh doanh trên khu đất diện tích 188.200 m² tại phường Long Trường, quận 9 theo Quyết định số 10006/UBND-QLĐT của Ủy ban nhân dân quận 9 ngày 22 tháng 6 năm 2007 và Quyết định số 4310/KTST-QH ngày 29 tháng 11 năm 2002 về hướng dẫn quy hoạch về địa điểm xây dựng của Văn phòng kiến trúc sư. Theo đó, các bên sẽ được hưởng toàn bộ lợi nhuận sau thuế phát sinh từ dự án cũng như chịu các rủi ro theo tỷ lệ quy định theo tỷ lệ góp vốn. Dự án đã hoàn thành xong công tác bồi thường và giải phóng mặt bằng.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Sau đó, Công ty cổ phần S.P.M (đại diện cho phần vốn của Công ty cổ phần S.P.M, Bà Đỗ Thị Hằng và Bà Chu Thị Thu Phương) đã ký hợp đồng hợp tác với Công ty cổ phần phát triển đô thị và khu công nghiệp Sông Đà ngày 14 tháng 01 năm 2010 để tiếp tục thực hiện giai đoạn 2 của dự án là đầu tư hạ tầng và xây dựng công trình. Theo hợp đồng hợp tác này, Công ty cổ phần S.P.M phải hoàn tất các thủ tục pháp lý và trình các cấp thẩm quyền giao toàn bộ diện tích thuộc dự án cho liên danh Công ty cổ phần phát triển đô thị và khu công nghiệp Sông Đà – Công ty cổ phần S.P.M là chủ đầu tư dự án.

14. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty cổ phần kỹ thuật Hữu Nghị	-	-	980.000	23.250.000.000
Công ty cổ phần dược phẩm Ánh Sao Việt ⁽ⁱ⁾	3.000.000	26.971.296.825	3.000.000	26.913.476.260
Cộng		26.971.296.825		50.163.476.260

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310092064 thay đổi lần thứ 02 ngày 09 tháng 9 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần dược phẩm Ánh Sao Việt là 37.500.000.000 VND, tương đương 30% vốn điều lệ. Trong năm, Công ty đã đầu tư vào Công ty cổ phần dược phẩm Ánh Sao Việt là 57.820.565 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty đã đầu tư 26.971.296.825 VND, tương đương 21,58% vốn điều lệ của Công ty cổ phần dược phẩm Ánh Sao Việt. Vốn điều lệ còn phải đầu tư là 10.528.703.175 VND.

Khoản đầu vào Công ty cổ phần kỹ thuật Hữu Nghị giảm do bán toàn bộ cổ phiếu với giá bán là 11.000.000.000 VND.

15. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư góp vốn		9.325.000.000		32.691.030.000
- Công ty cổ phần chứng khoán quốc tế Hoàng gia	675.000	6.750.000.000	675.000	6.750.000.000
- Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Nam Bắc	-	-	325.500	3.255.000.000
- Công ty cổ phần dược thiết bị y tế Đà Nẵng	81.000	2.025.000.000	81.000	2.025.000.000
- Công ty cổ phần đầu tư Hải Hà Land	-	-	1.272.850	20.111.030.000
- Công ty TNHH du lịch và khoáng sản Mỹ Kim	-	550.000.000	-	550.000.000
Góp vốn vào Công ty TNHH dược phẩm Đô Thành để thực hiện dự án		35.000.000.000	-	35.000.000.000
- Dự án mỏ đá xây dựng tại tỉnh Hà Tĩnh	-	20.000.000.000	-	20.000.000.000
- Dự án mỏ đá hoa trắng tại tỉnh Yên Bái	-	15.000.000.000	-	15.000.000.000
Cộng		44.325.000.000		67.691.030.000

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác:

- Cổ phiếu Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Nam Bắc: giảm do bán toàn bộ cổ phiếu với giá bán bằng giá trị đầu tư đến thời điểm bán là 3.705.000.000 VND.
- Công ty cổ phần đầu tư Hải Hà Land: giảm do bán toàn bộ cổ phiếu với giá bán bằng giá trị đầu tư đến thời điểm bán là 20.111.030.000 VND.

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chuyển từ tài sản cố định sang	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Công cụ dụng cụ	-	239.919.135	(55.365.954)	184.553.181
Bản quyền công nghệ	-	2.684.929.320	(447.488.221)	2.237.441.099
Cộng	-	2.924.848.455	(502.854.175)	2.421.994.280

17. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng:		
- Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) ⁽ⁱ⁾	37.952.889.353	56.403.621.990
- Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ ⁽ⁱⁱ⁾	73.424.389.759	68.532.530.887
- Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn ⁽ⁱⁱⁱ⁾	25.475.466.047	24.975.043.392
- Ngân hàng Malayan Banking Berhad - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(iv)	20.401.537.950	-
Cộng	157.254.283.109	149.911.196.269

- (i) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) để bổ sung vốn kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng bảo lãnh cá nhân trị giá USD 2.500.000 của Ông Đào Hữu Hoàng và các khoản phải thu khách hàng (xem thuyết minh số V.3).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ để bổ sung vốn kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hữu hình và vô hình của Công ty (xem thuyết minh số V.11 và V.12).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn để bổ sung vốn kinh doanh.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng Malayan Banking Berhad – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng: Thư bảo lãnh của Ông Đào Hữu Hoàng và Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương với giá trị là 23.061.500.000 VND; Các khoản bảo hiểm liên quan đến tài sản đang có hoặc sẽ có với tổng giá trị không thấp hơn 1.000.000,00 USD; Các khoản phải thu khách hàng và hàng hóa tồn trong kho được định giá 37.049.017.216 VND (xem thuyết minh số V.3 và V.7).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	149.911.196.269	148.410.963.356
Số tiền vay phát sinh trong năm	379.922.617.112	387.487.570.716
Số tiền vay đã trả trong năm	(372.579.530.272)	(385.987.337.803)
Số cuối năm	157.254.283.109	149.911.196.269

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các nhà cung cấp trong nước	13.404.776.044	18.583.545.778
Các nhà cung cấp nước ngoài	13.506.597.476	20.615.849.510
Cộng	26.911.373.520	39.199.395.288

19. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các nhà cung cấp trong nước	514.284.650	83.300.000
Các nhà cung cấp nước ngoài	4.445.558	893.642.400
Cộng	518.730.208	976.942.400

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.366.194.100	24.367.684	(212.772.078)	3.177.789.706
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	488.339.380	5.389.227.136	(5.877.566.516)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	93.407.908	996.927.620	(1.280.404.202)	(190.068.674)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.431.693.667	2.544.956.845	(8.593.838.327)	1.382.812.185
Thuế thu nhập cá nhân	899.851.595	426.960.552	(1.121.742.747)	205.069.400
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	94.699.535	19.104.623	-	113.804.158
Cộng	12.374.186.185	9.401.544.460	(17.086.323.870)	4.689.406.775

Thuế nhập khẩu nộp thừa được trình bày tại chỉ tiêu Thuế và các khoản phải thu Nhà nước.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Dược phẩm	05 %
- Vật liệu xây dựng	10 %

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh với thuế suất thuế 15% trong 12 năm kể từ năm đầu hoạt động kinh doanh, được miễn thuế trong 03 năm kể từ khi có lợi nhuận chịu thuế (năm 2004) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo.

Trong năm 2008, Công ty đã đầu tư một dự án mở rộng sản xuất "Xây dựng nhà máy dược phẩm mới" và dự án này được đưa vào sử dụng vào năm 2009. Công ty được miễn thuế thu nhập trong 03 năm đầu và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo tính theo lợi nhuận thu được từ dự án. Năm 2009 là năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế từ dự án này.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	20.225.823.349	69.287.876.004
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	15.310.118.200	3.590.216.422
- Các khoản điều chỉnh giảm	(2.090.056.735)	(2.516.448.961)
Thu nhập chịu thuế	33.445.884.814	70.361.643.465
Thu nhập được miễn thuế	-	162.000.000
Thu nhập tính thuế	33.445.884.814	70.199.643.465
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	8.361.471.204	17.549.910.866
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(5.853.029.843)	(10.915.895.546)
Các khoản điều chỉnh khác	36.515.484	(1.990.204.596)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2.544.956.845	4.643.810.724

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 25% xuống còn 22% từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và bằng 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

21. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 12 và tháng 13 phải trả cho nhân viên.

22. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	282.827.273	442.711.582
Chi phí khác	289.791.001	239.672.558
Cộng	572.618.274	682.384.140

23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản thừa chờ giải quyết	280.765.315	280.765.315
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	636.753.776	377.713.829
Cổ tức phải trả	41.773.634.750	27.773.634.750
Các khoản phải trả khác	1.181.066.275	4.089.620.935
Cộng	43.872.220.116	32.521.734.829

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

24. Các khoản phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền hợp tác dự án khu nhà ở Long Trường:	222.902.833.250	222.902.833.250
- Công ty cổ phần đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Sông Đà	168.150.000.000	168.150.000.000
- Bà Đỗ Thị Hằng	10.239.935.350	10.239.935.350
- Bà Chu Thị Thu Phương	44.512.897.900	44.512.897.900
Cộng	<u>222.902.833.250</u>	<u>222.902.833.250</u>

25. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Cổ phiếu quỹ</u>	<u>Lợi nhuận chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm trước	140.000.000.000	210.885.368.500	(10.036.370.000)	249.602.645.750	590.451.644.250
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	64.738.554.606	64.738.554.606
Số dư cuối năm trước	<u>140.000.000.000</u>	<u>210.885.368.500</u>	<u>(10.036.370.000)</u>	<u>314.341.200.356</u>	<u>655.190.198.856</u>
Số dư đầu năm nay	140.000.000.000	210.885.368.500	(10.036.370.000)	314.341.200.356	655.190.198.856
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	17.504.285.678	17.504.285.678
Chia cổ tức	-	-	-	(14.000.000.000)	(14.000.000.000)
Số dư cuối năm nay	<u>140.000.000.000</u>	<u>210.885.368.500</u>	<u>(10.036.370.000)</u>	<u>317.845.486.034</u>	<u>658.694.484.534</u>

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.000.000	14.000.000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	14.000.000	14.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	14.000.000	14.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	230.000	230.000
- Cổ phiếu phổ thông	230.000	230.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.770.000	13.770.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.770.000	13.770.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	521.298.163.096	460.710.244.537
- Doanh thu bán hàng hóa	217.420.804.978	203.276.650.267
- Doanh thu bán thành phẩm	302.131.903.578	255.688.139.730
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.745.454.540	1.745.454.540
Các khoản giảm trừ doanh thu	(80.167.367.593)	(30.703.401.908)
- Chiết khấu thương mại	(6.376.490.068)	(3.585.304.907)
- Giảm giá hàng bán	-	(893.642.400)
- Hàng bán bị trả lại	(73.790.877.525)	(26.224.454.601)
Doanh thu thuần	441.130.795.503	430.006.842.629
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	215.407.294.678	199.184.686.660
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	223.978.046.285	229.076.701.429
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	1.745.454.540	1.745.454.540

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	205.355.075.034	192.497.075.848
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp ⁽ⁱ⁾	151.557.099.753	142.551.227.786
Dự phòng/(hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	(27.321.607)	151.847.742
Cộng	356.884.853.180	335.200.151.376

(i) Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp như sau:

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	116.913.910.556	108.033.008.868
Chi nhân công trực tiếp	5.275.840.773	5.153.396.525
Chi phí sản xuất chung	31.973.268.798	31.995.118.690
Tổng chi phí sản xuất	154.163.020.127	145.181.524.083
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	(3.472.288.806)	3.444.771.309
Trừ: xuất khác	(36.289.743)	(9.503.801)
Tổng giá thành sản xuất	150.654.441.578	148.616.791.591
Chênh lệch tồn kho thành phẩm	3.963.432.709	(3.886.395.933)
Trừ: xuất khác	(3.060.774.534)	(2.179.167.872)
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	151.557.099.753	142.551.227.786

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	15.939.736	17.398.425
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	488.910.825
Lãi tiền cho vay	14.935.519.160	27.957.243.825
Lãi thanh lý dự án Phú Hữu	-	13.449.530.215
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	162.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	45.299.023	81.704.172
Doanh thu tài chính khác	404.953	-
Cộng	14.997.162.872	42.156.787.462

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	16.786.729.966	22.343.499.999
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư	12.250.000.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	222.586.823	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	936.885.755	1.043.274.635
Cộng	<u>30.196.202.544</u>	<u>23.386.774.634</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	406.398.428	562.235.627
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.906.628.604	237.949.962
Chi phí bằng tiền khác	19.885.656.057	33.454.554.659
Cộng	<u>37.198.683.089</u>	<u>34.254.740.248</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	4.556.089.025	3.781.812.567
Chi phí đồ dùng văn phòng	997.881.705	171.597.951
Chi phí khấu hao TSCĐ	349.876.334	544.520.427
Thuế, phí và lệ phí	1.290.673.129	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.927.302.812	1.514.388.552
Chi phí bằng tiền khác	2.357.535.020	4.182.926.519
Cộng	<u>11.479.358.025</u>	<u>10.195.246.016</u>

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	17.504.285.678	64.738.554.606
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	17.504.285.678	64.738.554.606
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	13.770.000	13.770.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.271</u>	<u>4.701</u>

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	121.978.663.730	109.092.923.863
Chi phí nhân công	17.141.162.237	16.365.880.425
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.944.402.127	15.588.843.369
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.909.348.716	7.532.087.225
Chi phí khác	24.867.484.431	41.051.775.465
Cộng	<u>202.841.061.241</u>	<u>189.631.510.347</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Cam kết góp vốn

Theo thỏa thuận giữa Công ty cổ phần tập đoàn A.S.V, Công ty cổ phần S.P.M và ông Lê Toàn để góp vốn thành lập Công ty cổ phần dược phẩm Ánh Sao Việt, Công ty cam kết sẽ góp 30% trong tổng vốn đầu tư của dự án là 125.000.000.000 VND. Việc góp vốn này được thực hiện theo tiến độ thi công của dự án. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 Công ty đã đầu tư được 26.971.296.825 VND. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty cổ phần dược phẩm Ánh Sao Việt theo cam kết là 10.528.703.175 VND (xem thuyết minh số V.14).

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị		
Cho vay	12.106.357.600	14.491.414.000
Lãi cho vay	9.904.445.947	7.394.784.285

Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị và cá nhân có quan hệ mật thiết với Chủ tịch Hội đồng quản trị còn bảo lãnh cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) và Ngân hàng Malayan Banking Berhad – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.17).

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu tiền cho vay	50.499.169.049	40.787.306.149
Phải thu tiền tạm ứng	44.781.650	5.352.714.017
Phải thu lãi cho vay	21.452.920.877	10.753.701.497
Cộng nợ phải thu	71.996.871.576	56.893.721.663

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm là 2.185.694.000 VND (năm trước là 1.504.373.500 VND).

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH dược phẩm Đô Thành	Chủ đầu tư của công ty này có quan hệ mật thiết với Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty
Công ty cổ phần kỹ thuật Hữu Nghị	Công ty liên kết
Công ty cổ phần dược phẩm Ánh Sao Việt	Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các giao dịch phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH dược phẩm Đô Thành		
Bán thành phẩm, hàng hoá	457.967.519.520	394.311.494.279
Cho thuê kho	1.745.454.545	1.745.454.540
Cho vay	-	7.920.000.000
Lãi cho vay	1.800.542.819	10.065.997.806
Chuyển nhượng dự án	20.111.030.000	-
Phải thu tiền đầu tư dự án khu dân cư Phú Hữu	-	65.030.695.845
Mua hàng hóa	1.818.181.818	-
Mua nguyên liệu	951.185.540	-
Mua công cụ dụng cụ	106.000.000	-
Công ty cổ phần kỹ thuật Hữu Nghị		
Hàng bán bị trả lại	-	2.727.272.727
Mua hàng hóa	-	60.567.800
Cho vay	-	1.000.000.000
Vay ngắn hạn	-	4.800.000.000
Mua tài sản cố định	-	152.323.100
Xây dựng cơ bản dở dang	-	262.744.600
Công ty cổ phần dược phẩm Ánh Sao Việt		
Góp vốn	57.820.565	305.777.600

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH dược phẩm Đô Thành		
Phải thu tiền bán hàng hóa, thành phẩm, lãi cho vay, thanh lý khoản đầu tư	420.587.657.188	348.654.951.751
Phải thu tiền cho vay	5.766.479.525	35.628.479.525
Phải thu tiền góp vốn vào dự án đầu tư	35.000.000.000	35.000.000.000
Công ty cổ phần kỹ thuật Hữu Nghị		
Phải thu tiền bán hàng hóa, thành phẩm	13.533.047.486	13.533.047.486
Cộng nợ phải thu	474.887.184.199	432.816.478.762
Công ty TNHH dược phẩm Đô Thành		
Phải trả tiền hàng	2.000.000.000	-
Công ty cổ phần kỹ thuật Hữu Nghị		
Phải trả tiền mua hàng	137.063.742	137.063.742
Cộng nợ phải trả	2.137.063.742	137.063.742

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp.

Các chi phí chung được phân bổ cho từng bộ phận dựa theo tỷ lệ phần trăm doanh thu của từng bộ phận.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh dược phẩm: sản xuất thuốc và các thực phẩm chức năng, bán sản phẩm trong nước thông qua đại lý phân phối độc quyền và trực tiếp xuất khẩu sản phẩm.
- Lĩnh vực kinh doanh hàng hóa dược phẩm: mua bán thuốc nhập khẩu từ nước ngoài.
- Lĩnh vực bất động sản: đầu tư vào dự án bất động sản.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được thể hiện ở Phụ lục đính kèm.

Khu vực địa lý

Toàn bộ nhà xưởng của Công ty được đặt tại Việt Nam. Thị trường tiêu thụ của Công ty chủ yếu là Việt Nam và các nước Myanmar, Hàn Quốc, Nigeria.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Việt Nam	430.074.746.671	421.823.136.111
Myanmar	9.403.804.065	8.183.706.518
Hàn Quốc	746.819.807	-
Nigeria	905.424.960	-
Cộng	441.130.795.503	430.006.842.629

4. Số liệu năm trước

Trong năm, Công ty phân loại lại tiền nhận góp vốn để thực hiện dự án khu nhà ở tại phường Long Trường, quận 9, TP. Hồ Chí Minh từ ngắn hạn sang dài hạn. Ảnh hưởng của việc phân loại này đến số liệu so sánh của năm trước như sau:

<i>Bảng cân đối kế toán</i>	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước		Số liệu sau điều chỉnh
		Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Nợ ngắn hạn	310	460.482.920.157	(222.902.833.250)	237.580.086.907
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	255.424.568.079	(222.902.833.250)	32.521.734.829
Nợ dài hạn	330	-	222.902.833.250	222.902.833.250
Phải trả dài hạn khác	333	-	222.902.833.250	222.902.833.250

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi.

Công ty có rủi ro tín dụng tập trung liên quan đến Công ty TNHH Dược phẩm Đô Thành với số dư nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 chiếm 95% tổng số dư nợ phải thu (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 chiếm 95%) và Công ty cổ phần kỹ thuật Hữu Nghị với số dư nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 chiếm 03% tổng số dư nợ phải thu (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 chiếm 04%). Các khách hàng khác có số dư dưới 02% tổng số dư nợ phải thu nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu của các khách hàng này là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho các công ty liên quan và các thành viên quản lý chủ chốt vay tiền. Các đơn vị và cá nhân này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.6 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.125.237.523	-	-	6.125.237.523
Phải thu khách hàng	7.603.596.841	434.120.704.674	2.396.415.435	444.120.716.950
Các khoản cho vay	93.265.648.574	-	-	93.265.648.574
Các khoản phải thu khác	14.343.777.829	52.822.920.877	-	67.166.698.706

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn nhưng không giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</u>	<u>Cộng</u>
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	44.325.000.000	-	-	44.325.000.000
Cộng	165.663.260.767	486.943.625.551	2.396.415.435	655.003.301.753

Số đầu năm

Tiền và các khoản tương đương tiền	10.955.373.953	-	-	10.955.373.953
Phải thu khách hàng	353.026.797.833	13.700.560.026	394.549.906	367.121.907.765
Các khoản cho vay	126.415.785.674	-	-	126.415.785.674
Các khoản phải thu khác	26.944.880.124	15.495.469.251	-	42.440.349.375
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	67.691.030.000	-	-	67.691.030.000
Cộng	585.033.867.584	29.196.029.277	394.549.906	614.624.446.767

Chi tiết thời gian quá hạn của các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không giảm giá như sau:

	<u>Quá hạn dưới 06 tháng</u>	<u>Quá hạn trên 06 tháng đến dưới 01 năm</u>	<u>Quá hạn trên 01 năm đến dưới 02 năm</u>	<u>Quá hạn trên 02 năm đến dưới 03 năm</u>	<u>Quá hạn trên 03 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm						
Phải thu khách hàng	351.830.282.438	68.757.374.750	13.533.047.486	-	-	434.120.704.674
Các khoản phải thu khác	13.055.108.010	11.058.669.486	20.190.568.312	5.934.758.011	2.583.817.058	52.822.920.877
Cộng	364.885.390.448	79.816.044.236	33.723.615.798	5.934.758.011	2.583.817.058	486.943.625.551
Số đầu năm						
Phải thu khách hàng	11.856.907.017	1.449.103.103	279.837.713	114.712.193	-	13.700.560.026
Các khoản phải thu khác	7.070.469.251	8.425.000.000	-	-	-	15.495.469.251
Cộng	18.927.376.268	9.874.103.103	279.837.713	114.712.193	-	29.196.029.277

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng là từ 01 năm trở xuống.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá và lãi suất sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu hàng hóa và nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất sản phẩm và xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD và EUR do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.016,89	-	1.092,00	-
Phải trả người bán	(327.377,00)	(228.918,40)	(842.866,05)	(10.825,00)
Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ	(326.360,11)	(228.918,40)	(841.774,05)	(10.825,00)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản cho vay	93.265.648.574	126.415.785.674
Vay và nợ	(157.254.283.109)	(149.911.196.269)
Nợ phải trả thuần	(63.988.634.535)	(23.495.410.595)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 02% thì lợi nhuận trước thuế năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 1.279.772.691 VND (năm trước giảm/tăng 469.908.212 VND).

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty thế chấp các khoản phải thu của khách hàng để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) và Ngân hàng Malayan Banking Berhad – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.3 và V.17).

Công ty sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

6. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.125.237.523	-	10.955.373.953	-	6.125.237.523	10.955.373.953
Phải thu khách hàng	444.120.716.950	(1.685.223.035)	367.121.907.765	(394.549.906)	442.435.493.915	366.727.357.859
Các khoản cho vay	93.265.648.574	-	126.415.785.674	-	93.265.648.574	126.415.785.674
Các khoản phải thu khác	67.166.698.706	-	42.440.349.375	-	67.166.698.706	42.440.349.375
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	44.325.000.000	-	67.691.030.000	-	44.325.000.000	67.691.030.000
Cộng	655.003.301.753	(1.685.223.035)	614.624.446.767	(394.549.906)	653.318.078.718	614.229.896.861

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	Vay và nợ	157.254.283.109	149.911.196.269	157.254.283.109
Phải trả người bán	26.911.373.520	39.199.395.288	26.911.373.520	39.199.395.288
Các khoản phải trả khác	43.527.319.299	32.545.639.825	43.527.319.299	32.545.639.825
Cộng	227.692.975.928	221.656.231.382	227.692.975.928	221.656.231.382

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

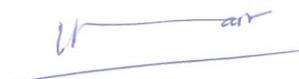
Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc năm tài chính thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2014



Nguyễn Quốc Thịnh
Người lập biểu



Bùi Công Sơn
Kế toán trưởng



Nguyễn Thế Kỳ
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh được phẩm	Lĩnh vực kinh doanh hàng hóa được phẩm	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	223.978.046.285	217.152.749.218	-	-	441.130.795.503
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	223.978.046.285	217.152.749.218	-	-	441.130.795.503
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	53.666.520.512	(6.619.261.278)	-	-	47.047.259.234
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(11.479.358.025)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					35.567.901.209
Doanh thu hoạt động tài chính					14.997.162.872
Chi phí tài chính					(30.196.202.544)
Thu nhập khác					110.633.338
Chi phí khác					(253.671.526)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(2.544.956.845)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(176.580.826)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					17.504.285.678
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	3.111.572.990	-	-	-	3.111.572.990
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	(14.284.285.011)	-	-	-	(14.284.285.011)
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	(1.290.673.129)	-	-	-	(1.290.673.129)



CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh được phẩm	Lĩnh vực kinh doanh hàng hóa được phẩm	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	229.076.701.429	200.930.141.200	-	-	430.006.842.629
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	229.076.701.429	200.930.141.200	-	-	430.006.842.629
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	68.277.013.092	(7.725.062.087)	-	-	60.551.951.005
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(10.195.246.016)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					50.356.704.989
Doanh thu hoạt động tài chính					42.156.787.462
Chi phí tài chính					(23.386.774.634)
Thu nhập khác					243.997.095
Chi phí khác					(82.838.908)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(4.643.810.724)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					94.489.326
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					64.738.554.606
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	2.286.793.528	-	-	-	2.286.793.528
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	15.588.843.369	-	-	-	15.588.843.369
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Lĩnh vực sản xuất kinh doanh được phẩm</u>	<u>Lĩnh vực kinh doanh hàng hóa được phẩm</u>	<u>Lĩnh vực kinh doanh bất động sản</u>	<u>Các khoản loại trừ</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	370.810.778.647	173.552.117.802	280.807.353.530	-	825.170.249.979
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					292.619.526.792
Tổng tài sản					<u>1.117.789.776.771</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	187.861.247.128	6.557.577.109	222.902.833.250	-	417.321.657.487
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					41.773.634.750
Tổng nợ phải trả					<u>459.095.292.237</u>
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	334.484.360.149	141.021.342.105	300.918.383.530	-	776.424.085.784
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					339.249.033.229
Tổng tài sản					<u>1.115.673.119.013</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	200.147.619.891	9.658.832.266	222.902.833.250	-	432.709.285.407
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					27.773.634.750
Tổng nợ phải trả					<u>460.482.920.157</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2014

Nguyễn Quốc Thịnh
Người lập biểu

Bùi Công Sơn
Kế toán trưởng



Nguyễn Thế Kỳ
Tổng Giám đốc

